BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI GIỮA KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2017-2018

Môn học : Quản trị Marketing dịch vụ (Học phần học bổ sung) - 1104020 Giám thị 1:_____ Ký tên:_____

Mã lớp học phần: 110402001 **Số tín chỉ: 3** Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Hoa Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:** _____ Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1510100016	Hoàng Chu Quỳnh	**Anh**	01/11/1997		7,0	Bảy	C17QT	
2	1510100032	Phạm Minh Tuấn	**Anh**	10/9/1995		8,0	tám	C17QT	
3	1510100065	Nguyễn Lê Hồng	**Ân**	09/10/1997		10	Mười	C17QT	Nợ HP
4	1510100044	Trần Thị Thanh	**Bích**	30/03/1996		8,0	tám	C17QT	
5	1510100014	Trương Quang	**Chánh**	04/10/1997		7,0	Bảy.	C17QT	
6	1510100110	Trần Thị	**Chinh**	17/8/1997		8,0	Tám	C17QT	
7	1510100105	Đồng Mai Thúy	**Diễm**	14/01/1997		8,0	Tám	C17QT	Nợ HP
8	1510100089	Ngô Hoàng Phương	**Dung**	26/6/1997		7,0	Bảy	C17QT	Nợ HP
9	1510100010	Lê Thị Mỹ	**Duyên**	29/9/1997		7,0	Bảy,	C17QT	
10	1510100004	Lê Thị Ngọc	**Dương**	26/11/1997		7,0	Bảy	C17QT	Nợ HP
11	1510100066	Nguyễn Trần Hải	**Đăng**	06/04/1997		7,0	Bảy	C17QT	Nợ HP
12	1510100058	Lê	**Được**	05/07/1996		10	Mười	C17QT	
13	1510100114	Phạm Huỳnh	**Đức**	22/03/1997		8,0	tám	C17QT	
14	1510100062	Trần Thị Ngọc	**Hà**	20/10/1997		10	Mười	C17QT	
15	1510100080	Trần Thị Minh	**Hằng**	12/9/1997		7,0	Bảy	C17QT	
16	1510100111	Vũ Minh	**Hoàng**	19/9/1995		8,0	Tám	C17QT	Nợ HP.
17	1510100085	Lê Thị Kim	**Hồng**	13/03/1997		7,0	Bảy	C17QT	
18	1510100074	Mai Phi	**Hổ**	28/7/1995		7,0	Bảy	C17QT	
19	1510100043	Mai Thị Lâm	**Huệ**	08/12/1997		8,0	Tám	C17QT	
20	1510100088	Huỳnh Thị Ngọc	**Huyền**	22/02/1997		7,0	bảy	C17QT	
21	1510100031	Dương Thị Mỹ	**Hương**	09/12/1996		9,0	Chín	C17QT	Nợ HP
22	1510100005	Ngô Kim	**Khánh**	04/02/1997		7,0	Bảy	C17QT	
23	1510100099	Trương Quốc Anh	**Khương**	01/05/1997		8,0	Tám,	C17QT	
24	1510100092	Nguyễn Văn Tuấn	**Kiệt**	29/12/1997		7,0	Bảy	C17QT	Nợ HP
25	1510100056	Lương Thị Minh	**Lập**	24/6/1997		10	Mười.	C17QT	
26	1510100011	Mai Thị	**Liên**	10/09/1996		7,0	Bảy	C17QT	
27	1510100019	Triệu Mỹ	**Liên**	07/3/1996		9,0	Chín	C17QT	Nợ HP
28	1510100101	Võ Thị Mỹ	**Linh**	25/9/1997		8,0	Tám	C17QT	
29	1510100028	Võ Ngọc	**Luông**	12/8/1997		9,0	chín	C17QT	Nợ HP
30	1510100047	Nguyễn Trường	**Mạnh**	20/02/1997		8,0	Tám	C17QT	
31	1510100020	Hàn Ngọc	**Mỹ**	18/11/1997		9,0	Chín	C17QT	
32	1510100057	Võ Thị Thúy	**Nga**	08/11/1997		10	Mười	C17QT	

	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
	1510100048	Phan Lê Phương	**Ngân**	19/5/1997		8,0	Tám	C17QT	Nợ HP
34	1510100075	Dương Thị Thu	**Nghĩa**	05/04/1996		7,0	Bảy	C17QT	Nợ HP
35	1510100038	Mai Nguyễn Hồng	**Ngọc**	07/8/1997		8,0	Tám	C17QT	Nợ HP
36	1510100040	Nguyễn Hoàng	**Nhân**	26/9/1996		8,0	Tam	C17QT	
37	1510100081	Mai Thanh	**Nhớ**	11/02/1997		7,0	Bảy	C17QT	
38	1510100001	Nguyễn Cẩm	**Nhung**	22/04/1997		7,0	Bảy	C17QT	Nợ HP
39	1510100071	Võ Cẩm	**Như**	22/03/1997		7,0	Bảy	C17QT	
40	1510100059	Trương Hoàng Minh	**Phương**	04/12/1997		10	Mười	C17QT	
41	1510100021	Phạm Thị Bích	**Quyên**	26/3/1997		9,0	Chín	C17QT	
42	1510100097	Trần Ái	**Quỳnh**	26/4/1997		8,0	Tám	C17QT	Nợ HP
43	1510100113	Huỳnh Thị	**Quý**	15/10/1997		8,0	Tám	C17QT	
44	1510100100	Huỳnh Tấn	**Sang**	12/11/1994		8,0	Tám	C17QT	Nợ HP
45	1410100049	Kiều Ngọc	**Sơn**	21/12/1996				C16QT	
46	1510100023	Bùi Nhật	**Thành**	23/01/1997		9,0	Chín	C17QT	
47	1510100095	Bùi Thị Phương	**Thảo**	16/05/1997		7,0	Bảy	C17QT	
48	1510100017	Phạm Thị Thanh	**Thảo**	27/4/1997		7,0	Bảy	C17QT	
49	1510100055	Nguyễn Đức	**Thuận**	05/11/1995		10	Mười	C17QT	Nợ HP
50	1510100003	Nguyễn Thị Bích	**Thuận**	06/08/1997		7,0	Bảy	C17QT	
51	1510100052	Dương Thị Phương	**Thùy**	05/5/1997		10	Mười	C17QT	Nợ HP
52	1510100103	Nguyễn Thị Thu	**Thùy**	17/3/1997		8,0	Tám	C17QT	Nợ HP
53	1510100025	Võ Thị	**Thủy**	20/02/1997		9,0	Chín	C17QT	
54	1510100061	Nguyễn Thị Kim	**Thư**	05/08/1997		10	Mười	C17QT	Nợ HP
55	1510100070	Nguyễn Ngọc	**Thương**	20/10/1996		7,0	Bảy	C17QT	
56	1510100054	Quảng Thành	**Tiến**	15/3/1995		10	Mười	C17QT	Nợ HP
57	1510100027	Nguyễn Trung	**Tính**	07/11/1996		9,0	Chín	C17QT	
58	1510100094	Nguyễn Thị Thùy	**Trang**	21/5/1997		7,0	Bảy	C17QT	Nợ HP
59	1510100036	Văn Vĩnh Thùy	**Trang**	17/09/1996		8,0	Tám	C17QT	Nợ HP
60	1510100029	Võ Thị Huyền	**Trân**	11/01/1997		9,0	Chín	C17QT	Nợ HP
61	1510100073	Phạm Nguyễn Phương	**Trinh**	30/8/1997		7,0	Bảy	C17QT	Nợ HP
62	1510100030	Nguyễn Thị Ngọc	**Tuyền**	01/11/1996		9,0	Chín	C17QT	Nợ HP
63	1510100086	Nguyễn Thị Cẩm	**Tú**	21/05/1997		7,0	Bảy	C17QT	Nợ HP
64	1510100015	Trần Thị Tường	**Uyên**	18/02/1997		7,0	Bảy	C17QT	
65	1510100051	Cao Hoàng	**Vinh**	28/02/1996		8,0	Tám	C17QT	
66	1510100091	Nguyễn Yến	**Vy**	13/9/1997		7,0	Bảy	C17QT	
67	1510100096	Vương Ngọc	**Yến**	28/3/1997		7,0	Bảy	C17QT	Nợ HP

Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú

Lưu ý: - *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

- *Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.*

Tổng số sinh viên dự thi :_____ **vắng thi:** _____**. Số bài thi/Số tờ:**_____/_____.

Số sinh viên đạt/không đạt:_____/_____ **Tỷ lệ đạt:**____,____%

Ngày 17 tháng 10 năm ...2017

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Kim Ánh

Ngày 17 tháng 10 năm 2017

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÁN CÔNG CÔNG NGHỆ VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ: HKI (2017 - 2018)

Môn học: Quản trị Marketing dịch vụ (HPBS)
Mã bài thi: C1ZHL8
Thời gian thi: 13/12/2017 09:30:00
Thời gian kết thúc: 13/12/2017 10:30:00

Giám thị 1: Lê Sơn Ký tên:
Giám thị 2: Nguyễn Hà Ký tên:
Giám thị 3: Nguyễn Minh Tân Ký tên:
Giám thị 4: Trần Thái Dũ Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1510100065	Nguyễn Lê Hồng Ân	09/10/1997		8		C17QT	
2	1510100016	Hoàng Chu Quỳnh Anh	01/11/1997		10		C17QT	
3	1510100032	Phạm Minh Tuấn Anh	10/09/1995		7.6		C17QT	
4	1510100044	Trần Thị Thanh Bích	30/03/1996		9.8		C17QT	
5	1510100014	Trương Quang Chánh	04/10/1997		7		C17QT	
6	1510100110	Trần Thị Chinh	17/08/1997		8.8		C17QT	
7	1510100066	Nguyễn Trần Hải Đăng	06/04/1997		9.4		C17QT	
8	1510100105	Đồng Mai Thúy Diễm	14/01/1997		6.8		C17QT	
9	1510100114	Phạm Huỳnh Đức	22/03/1997		9.2		C17QT	
10	1510100089	Ngô Hoàng Phương Dung	26/06/1997		9.2		C17QT	
11	1510100058	Lê Được	05/07/1996		9.2		C17QT	
12	1510100004	Lê Thị Ngọc Dương	26/11/1997		9.4		C17QT	
13	1510100010	Lê Thị Mỹ Duyên	29/09/1997		10		C17QT	
14	1510100062	Trần Thị Ngọc Hà	20/10/1997		10		C17QT	
15	1510100080	Trần Thị Minh Hằng	12/09/1997		7.8		C17QT	
16	1510100074	Mai Phi Hổ	28/07/1995		5.8		C17QT	
17	1510100111	Vũ Minh Hoàng	19/09/1995		8.8		C17QT	
18	1510100085	Lê Thị Kim Hồng	13/03/1997		10		C17QT	
19	1510100043	Mai Thị Lâm Huệ	08/12/1997		9.6		C17QT	
20	1510100031	Dương Thị Mỹ Hương	09/12/1996		9.6		C17QT	
21	1510100088	Huỳnh Thị Ngọc Huyền	22/02/1997		8		C17QT	
22	1510100005	Ngô Kim Khánh	04/02/1997		8		C17QT	
23	1510100099	Trương Quốc Anh Khương	01/05/1997		9.2		C17QT	
24	1510100092	Nguyễn Văn Tuấn Kiệt	29/12/1997		9.8		C17QT	
25	1510100056	Lương Thị Minh Lập	24/06/1997		9		C17QT	
26	1510100011	Mai Thị Liên	10/09/1996		9.6		C17QT	
27	1510100019	Triệu Mỹ Liên	07/03/1996		9.4		C17QT	
28	1510100101	Võ Thị Mỹ Linh	25/09/1997		8.2		C17QT	
29	1510100028	Võ Ngọc Luông	12/08/1997		7.6		C17QT	
30	1510100047	Nguyễn Trường Mạnh	20/02/1997		9.6		C17QT	
31	1510100020	Hàn Ngọc Mỹ	18/11/1997		7.2		C17QT	
32	1510100057	Võ Thị Thúy Nga	08/11/1997		8.4		C17QT	
33	1510100048	Phan Lê Phương Ngân	19/05/1997		9		C17QT	
34	1510100075	Dương Thị Thu Nghĩa	05/04/1996		7		C17QT	
35	1510100038	Mai Nguyễn Hồng Ngọc	07/08/1997		9.4		C17QT	
36	1510100040	Nguyễn Hoàng Nhân	26/09/1996		10		C17QT	
37	1510100081	Mai Thanh Nhớ	11/02/1997		9.4		C17QT	
38	1510100071	Võ Cẩm Như	22/03/1997		9.8		C17QT	
39	1510100001	Nguyễn Cẩm Nhung	22/04/1997		9.4		C17QT	
40	1510100059	Trương Hoàng Minh Phương	04/12/1997		9.4		C17QT	
41	1510100113	Huỳnh Thị Quý	15/10/1997		10		C17QT	
42	1510100021	Phạm Thị Bích Quyên	26/03/1997		9.8		C17QT	
43	1510100097	Trần Ái Quỳnh	26/04/1997		10		C17QT	

	1510100100	Huỳnh Tấn Sang	12/11/1994	9.8		C17QT
45	1410100049	Kiều Ngọc Sơn	21/12/1996	6.8		C16QT
46	1510100023	Bùi Nhật Thành	23/01/1997	7.6		C17QT
47	1510100017	Phạm Thị Thanh Thảo	27/04/1997	9.2		C17QT
48	1510100095	Bùi Thị Phương Thảo	16/05/1997	8.8		C17QT
49	1510100061	Nguyễn Thị Kim Thư	05/08/1997	9.6		C17QT
50	1510100003	Nguyễn Thị Bích Thuận	06/08/1997	10		C17QT
51	1510100055	Nguyễn Đức Thuận	05/11/1995	7.8		C17QT
52	1510100070	Nguyễn Ngọc Thương	20/10/1996	9.6		C17QT
53	1510100103	Nguyễn Thị Thu Thủy	17/03/1997	9.8		C17QT
54	1510100052	Dương Thị Phương Thủy	05/05/1997	8.2		C17QT
55	1510100025	Võ Thị Thủy	20/02/1997	8.4		C17QT
56	1510100054	Quảng Thành Tiến	15/03/1995	8.6		C17QT
57	1510100027	Nguyễn Trung Tính	07/11/1996	7.6		C17QT
58	1510100029	Võ Thị Huyền Trân	11/01/1997	5.8		C17QT
59	1510100036	Văn Vĩnh Thùy Trang	17/09/1996	9.4		C17QT
60	1510100094	Nguyễn Thị Thùy Trang	21/05/1997	9.8		C17QT
61	1510100073	Phạm Nguyễn Phương Trinh	30/08/1997	8.8		C17QT
62	1510100086	Nguyễn Thị Cẩm Tú	21/05/1997	8.2		C17QT
63	1510100030	Nguyễn Thị Ngọc Tuyền	01/11/1996	6.8		C17QT
64	1510100015	Trần Thị Tường Uyên	18/02/1997	9.6		C17QT
65	1510100051	Cao Hoàng Vinh	28/02/1996	9.2		C17QT
66	1510100091	Nguyễn Yến Vy	13/09/1997	6		C17QT
67	1510100096	Vương Ngọc Yến	28/03/1997	9.8		C17QT

Số sinh viên dự thi: 67 **Số sinh viên đạt: 67**

Ngày 15 tháng 12 năm 2017
TRƯỞNG KHOA/PHÒNG
(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Kim Ánh

Ngày 15 tháng 12 năm 2017
PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
(ký & ghi rõ họ tên)

KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

Trần Thị Hoa